

Hoài Nhơn, ngày 31 tháng 8 năm 2022

Số: 548/2022/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH**  
**ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ**

Căn cứ vào các Điều 48, 217, 218, 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm;

Xét thấy: Người khởi kiện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Đình chỉ giải quyết vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 327/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2017 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*” giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1970

Địa chỉ: Tổ 1, khu phố GH 2, phường HT, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965

Địa chỉ: Tổ 1, khu phố GH 2, phường HT, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

**2.** Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

- Bà Nguyễn Thị N có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

- Tiền tạm ứng chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Nguyễn Thị N chịu, bà Ninh đã nộp đủ.

- Tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Trả lại cho bà Nguyễn Thị N 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003674 ngày 08 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung: Trả lại cho bà Nguyễn Thị N 10.000.000 (*Mười triệu*) đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003673 ngày 08 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

**3.** Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

***(đã ký)***

**Trần Minh Thành**

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 45-DS:**

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; nếu Tòa án ra quyết định là Tòa án nhân dân cấp huyện cần ghi rõ tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Thanh Hoá). Nếu Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh, (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: số 02/2017/QĐST- KDTM).

(3) Ghi cụ thể lý do của việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thuộc trường hợp nào quy định tại Điều 217 hoặc các điều luật khác của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: xét thấy nguyên đơn là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế quy định tại điểm a khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự).

(4) Ghi số, ngày tháng năm thụ lý vụ án (ví dụ: số 50/2017/TLST-KDTM).

(5) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(6), (7) và (8) Nếu nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cá nhân, thì ghi họ tên và địa chỉ của cá nhân đó; nếu là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên, địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó (ghi theo đơn khởi kiện).

(9) Tùy vào từng trường hợp đình chỉ vụ án cụ thể mà ghi hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án quy định tại Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự, (kể cả về tiền tạm ứng án phí).

(10) Tùy từng trường hợp cụ thể mà ghi tên cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện (nếu có).